

Số: **2681** /CNBT-TCHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2017

Về việc giao dịch hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (tổ chức có 03 thành viên làm người đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH
(Mã chứng khoán: BTW)**

2. Trụ sở chính : 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

3. Điện thoại : (08) 38 297 147 – 38 272 990

4. Fax : (08) 38 229 778

5. Người thực hiện công bố thông tin:

- Họ và tên : NGUYỄN THÀNH PHÚC – Giám đốc Công ty
- Địa chỉ : 611/57E Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại :
 - + Di động : 0913 926 614
 - + Cơ quan : (08) 38 234 723
- Fax : (08) 38 229 778

6. Loại thông tin công bố:

- 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

7. Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Nghị quyết số **057** /NQ-CNBT-HĐQT ngày 09/11/2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành đã chấp thuận cho Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành thực hiện việc ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Hợp đồng mua bán si nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán si nước sạch từ kỳ 1 năm 2017 đến kỳ 9 năm 2017 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (tổ chức có 03 thành viên làm người đại diện vốn góp tham gia vào Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành).

8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành vào ngày 09/11/2017 tại đường dẫn: www.capnuocbenthanh.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* **Đính kèm:** Nghị quyết số **057** /NQ-CNBT-HĐQT ngày 09/11/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu: VT, TC-HC.

glt

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thành Phúc

Số: **057/NQ-CNBT-HĐQT**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09** tháng 11 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 1 năm 2017 đến kỳ 9 năm 2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 12/4/2016;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 033/CNBT-HĐQT ngày 21/9/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty;

Xét Tờ trình số 053/TTr-CNBT-KTTC ngày 25/10/2017 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành về việc xin ý kiến đề ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 1 năm 2017 đến kỳ 9 năm 2017;

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ngày 03/11/2017 về việc kiểm phiếu lấy ý kiến biểu quyết số 029/CNBT-HĐQT ngày 26/10/2017 của Hội đồng quản trị,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thông qua việc ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 10 năm 2017, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 10 năm 2017; Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 năm 2017 đến kỳ 9 năm 2017 theo nội dung đề nghị tại Tờ trình số 053/TTr-CNBT-KTTC ngày 25/10/2017 của Giám đốc Công ty;

2. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Giám đốc Công ty xem xét để ký kết các Bản thỏa thuận, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch các kỳ kế tiếp, theo đúng nội dung Bản thỏa thuận về việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 10 năm 2017 với đơn giá được nêu tại mục 1 phần III (phần đề nghị phê duyệt) như trên. Khi có sự thay đổi (điều chỉnh) khác về đơn giá mua bán, Giám đốc Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị xem xét.

Điều 2. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

gus

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Thanh Vân

Số: **053** /TT-CNBT-KTTC

Tp.HCM, ngày **25** tháng 10 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc xin ý kiến để ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 1 năm 2017 đến kỳ 9 năm 2017.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**

Ngày 27/3/2017, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số 033/NQ-CNBT-HĐQT về việc thông qua ký kết bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017; Bản thỏa thuận, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 năm 2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;

Theo đó, hai bên thống nhất đơn giá mua bán sỉ năm 2017 được tính là 5.216,63 đồng/m³. Sau khi căn cứ kết quả kinh doanh đến hết kỳ 9/2017, ngày 20/10/2017 Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV đã gửi dự thảo Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 1 năm 2017 đến kỳ 9 năm 2017 để hai bên xem xét điều chỉnh lại đơn giá mua bán sỉ năm 2017 cho phù hợp tình hình thực tế.

Nội dung điều chỉnh chi tiết như sau:

I. Lý do điều chỉnh.

Giá nước bán lẻ cho khách hàng tuy đã được Tổng Công ty trình Hội đồng nhân dân thành phố để tăng giá, nhưng đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được phê duyệt; trong thời gian chờ đợi tăng giá nước, để cân đối hài hòa lợi nhuận giữa Công ty mẹ (Tổng Công ty) và Công ty con (Công ty) cùng đạt được lợi nhuận định mức trên vốn chủ sở hữu tương đương nhau nên Tổng Công ty điều chỉnh đơn giá bán sỉ nước sạch.

Mặt khác, Tổng Công ty xác định trong giai đoạn khó khăn chung là giá bán lẻ nước sạch chậm được điều chỉnh; nhằm giúp chia sẻ, hỗ trợ Công ty trong việc sử dụng nguồn vốn để tập trung đầu tư cho công tác giảm lượng nước thất thoát thất thu, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và nâng cao hiệu quả, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; hai bên cùng thỏa thuận điều chỉnh đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2017 từ mức giá cũ là **5.216,63 đồng/m³** xuống mức giá mới là **4.698,99 đồng/m³**, giảm 517,64 đồng/m³.

II. Nội dung điều chỉnh:

1. Về Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 10 năm 2017

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch trong từ kỳ 10 năm 2017 về sau sẽ tiếp tục kế thừa các nội dung đã được thể hiện trong Hợp đồng mua bán sỉ nước



sạch từ kỳ 1 đến kỳ 9 năm 2017; tuy nhiên, hai bên thỏa thuận điều chỉnh bổ sung như sau:

- Từ Điều 01 đến Điều 03 : giữ nguyên không điều chỉnh;
- Điều 4 - Đơn giá mua bán : điều chỉnh theo đơn giá mới;
- Điều 05 - Đơn giá khuyến khích : bổ sung thêm;
- Từ Điều 06 đến Điều 11 : thay đổi số thứ tự (tức là Điều 05 cũ được đổi thành Điều 06 mới và tiếp tục theo nguyên tắc như vậy cho đến Điều 10 cũ thành Điều 11 mới); các Điều được điều chỉnh, bổ sung cụ thể là:

Điều	Nội dung Hợp đồng chưa điều chỉnh	Đề nghị sửa đổi bổ sung
<p>Điều 4: Đơn giá mua bán</p>	<p>4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là 5.216,63 đồng/m³.</p> <p>4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.</p> <p>4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p> <p>4.4 Đơn giá mua bán trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là 4.698,99 đồng/m³.</p> <p>4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.</p> <p>4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p> <p>4.4 Đơn giá mua bán trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.</p>
<p>Điều 5: Đơn giá khuyến khích</p>		<p>5.1 Đơn giá khuyến khích là 3.832,94 đ/m³. Đơn giá này chỉ được áp dụng cho khối lượng nước (mỗi m³) bên B bán lẻ được cho khách hàng của mình trong năm vượt 40.200.000 m³.</p> <p>5.1.1 Khối lượng nước 40.200.000 m³ được hai bên thống nhất tính theo Quyết định số 235/QĐ-TCT-KHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của bên A về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2017 (ký hiệu là KH).</p>

Điều	Nội dung Hợp đồng chưa điều chỉnh	Đề nghị sửa đổi bổ sung
		<p>5.1.2 Khối lượng nước bán lẻ cho khách hàng của bên B được xác định là toàn bộ khối lượng nước tiêu thụ ghi trên hóa đơn bán lẻ của bên B (ký hiệu là TT).</p> <p>5.2 Cách tính khối lượng nước mua bán sỉ được áp dụng đơn giá khuyến khích:</p> $\text{Khối lượng nước mua bán sỉ áp dụng đơn giá khuyến khích} = \frac{\text{Tổng khối lượng nước mua bán sỉ} \times (\text{TT} - \text{KH})}{1 - \% \text{ Tỷ lệ thất thoát nước lũy kế}}$ <p>Khối lượng nước áp dụng đơn giá khuyến khích sẽ được hai bên tính toán sau khi kết thúc kỳ đọc số cuối cùng của năm. Việc tính toán sẽ được lập thành biên bản và Phụ lục Hợp đồng.</p> <p>5.3 Đơn giá khuyến khích trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p>

* Ghi chú: Bên A – Tổng Công ty; Bên B – Công ty.

2. Về Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán sỉ từ kỳ 1 đến kỳ 9 năm 2017

Sau khi sơ kết tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và Báo cáo kết quả lợi nhuận 9 tháng đầu năm của Tổng Công ty và Công ty, hai bên cùng thoả thuận điều chỉnh đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2017 từ mức giá cũ là **5.216,63 đồng/m³** xuống mức giá mới là **4.698,99 đồng/m³**, giảm 517,64 đồng/m³, ký Phụ lục điều chỉnh các hợp đồng từ kỳ 01 đến kỳ 9 năm 2017 là:

- Phụ lục Hợp đồng số 2370/PLHĐ-TCT-KDDVKH, ngày 11/5/2017 điều chỉnh giá mua bán sỉ nước sạch của Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 452/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/01/2017; Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 833/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 21/02/2017;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 1587/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 30/3/2017;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 2319/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 09/5/2017;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 2671/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/5/2017;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 3234/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 19/6/2017;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 3398/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/6/2017;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 4627/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/8/2017;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 5208/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/9/2017;

Chi tiết như sau:



2.1 Số tiền chênh lệch do điều chỉnh đơn giá:

Kỳ	Sản lượng mua bán sỉ (m ³)	Đơn giá áp dụng trong HĐ (đồng)	Đơn giá điều chỉnh (đồng)	Chênh lệch đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(1)*(4)
1	5.103.483	5.216,63	4.698,99	517,64	2.641.766.940
2	4.889.181	5.216,63	4.698,99	517,64	2.530.835.653
3	4.604.114	5.216,63	4.698,99	517,64	2.383.273.571
4	5.120.464	5.216,63	4.698,99	517,64	2.650.556.985
5	4.814.366	5.216,63	4.698,99	517,64	2.492.108.416
6	5.176.902	5.216,63	4.698,99	517,64	2.679.771.551
7	4.827.905	5.216,63	4.698,99	517,64	2.499.116.744
8	5.117.677	5.216,63	4.698,99	517,64	2.649.114.322
9	4.722.653	5.216,63	4.698,99	517,64	2.444.634.099
Cộng	44.376.745				22.971.178.281

2.2 Bên A sẽ thực hiện thanh toán cho Bên B số tiền mua bán sỉ nước sạch chênh lệch do điều chỉnh giá mua bán được nêu tại Điều 1 của Phụ lục hợp đồng này như sau:

- Tiền nước : **22.971.178.281 đồng.**
- Thuế giá trị gia tăng 5% : **1.148.558.914 đồng.**
- Tổng cộng : **24.119.737.195 đồng.**

2.3 Bên A sẽ thực hiện thanh toán căn trừ tiền nước chênh lệch trên vào tiền nước mua bán sỉ kỳ 10, kỳ 11 và kỳ 12 năm 2017 giữa Bên A và Bên B. Cụ thể:

- Kỳ 10 năm 2017: Thanh toán **30%** tiền nước chênh lệch do điều chỉnh giá.
- Kỳ 11 năm 2017: Thanh toán **30%** tiền nước chênh lệch do điều chỉnh giá.
- Kỳ 12 năm 2017: Thanh toán **40%** tiền nước chênh lệch do điều chỉnh giá.

* Ghi chú: Bên A – Tổng Công ty; Bên B – Công ty.

III. Đề nghị phê duyệt

Những nội dung thay đổi trong bản Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017, có tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính của Công ty đồng thời ảnh hưởng quan trọng đến kết quả lợi nhuận của Công ty trong năm 2017.

Căn cứ các quy định hiện hành:

- Theo khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội quy định “ Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

+ Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% trong số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ;”.

- Tại khoản 5 Điều 23 Thông tư 121/2012TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty đại chúng có nêu “Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định”.

Theo các quy định trên, việc ký Bản thỏa thuận, Hợp đồng và các Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 giữa Công ty và Tổng Công ty phải được Hội đồng quản trị chấp thuận, trong đó các thành viên Hội đồng quản trị là người có liên quan không được tham gia biểu quyết.

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty nhưng vẫn tuân thủ các quy định hiện hành, Giám đốc Công ty kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét:

1. Phê duyệt đề Giám đốc Công ty triển khai ký kết Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 10 năm 2017, Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 10 năm 2017; Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 9 năm 2017, với 03 đơn giá khác nhau là:

a- Đơn giá 01: **4.698,99 đồng/m³** của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Công ty xác định.

b- Đơn giá 02: được tính bằng 70% giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Công ty xác định của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng, được xem là đồng hồ tổng, đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Công ty xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty (nếu có).

c- Đơn giá 03: Đơn giá khuyến khích là **3.832,94 đ/m³**. Đơn giá này chỉ được áp dụng cho khối lượng nước (mỗi m³) Công ty bán lẻ được cho khách hàng của mình trong năm vượt **40.200.000 m³**.

2. Ủy quyền cho Giám đốc Công ty xem xét đề ký kết các Bản thỏa thuận, Hợp đồng mua bán si nước sạch các kỳ kế tiếp, theo đúng nội dung Bản thỏa thuận về việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 10 năm 2017 với đơn giá được nêu tại mục 1 phần III (phần đề nghị phê duyệt) như trên.

Khi có sự thay đổi (điều chỉnh) khác về đơn giá mua bán, Giám đốc Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị xem xét.

Trân trọng kính trình.

Hồ sơ đính kèm tờ trình:

- Nghị quyết số 033/NQ-CNBT-HĐQT ngày 27/3/2017 của HĐQT Công ty về việc thông qua ký kết bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017;

- Dự thảo Bản thỏa thuận về Hợp đồng mua bán si nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Hợp đồng mua bán si nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán si nước sạch từ kỳ 1 năm 2017 đến kỳ 9 năm 2017;

- Công văn số 5641/TCT-KDDVKH ngày 18/10/2017 của Tổng Công ty về việc điều chỉnh đơn giá mua bán si nước sạch giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu (VT, P.KTTC).



NGUYỄN THÀNH PHÚC

Số: 033 /NQ-CNBT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017; Bản thoả thuận, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 năm 2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 6652/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 033/CNBT-HĐQT ngày 21/9/2007 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 12/4/2016;

Căn cứ Quy chế quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Hội đồng quản trị thông qua ngày 26/10/2016;

Xét Tờ trình số 021/TTr-CNBT-KTTC ngày 15/3/2017 của Giám đốc Công ty về việc xin ý kiến để ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017; Bản thoả thuận, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 năm 2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;

Căn cứ kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị tại Phiên họp thứ 19 (Nhiệm kỳ 2012 – 2017) vào ngày 16/3/2017,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc ký kết Bản thoả thuận về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017, Phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 02 năm 2017, Bản thoả thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 năm 2017 với 02 đơn giá, theo đề nghị tại Tờ trình số 021/TTr-CNBT-KTTC ngày 15/3/2017 của Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

1. Đơn giá 01: **5.216,63 đồng/m³** của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Công ty xác định.

2. Đơn giá 02: được tính bằng 70% giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Công ty xác định của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng, được xem là đồng hồ tổng, đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Công ty xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty (nếu có).

Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp thứ 19 (Nhiệm kỳ 2012 – 2017)

Điều 2. Hội đồng quản trị uỷ quyền cho Giám đốc Công ty xem xét để ký kết các Bản thoả thuận, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch các kỳ kế tiếp, theo đúng nội dung Bản thoả thuận về việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2017 với đơn giá đã được nêu tại mục 1 (phần đề nghị phê duyệt) như trên. Khi có sự thay đổi (điều chỉnh) khác về nội dung hợp đồng, đơn giá mua bán, Giám đốc Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị xem xét.

Điều 3. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN;
- Các phòng, ban, đội Công ty;
- Lưu (VT, HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN CÔNG THANH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5641 / TCT-KDDVKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2017

Về việc điều chỉnh đơn giá mua bán si nước sạch năm 2017
giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Số: 599
Ngày: 19-10-2017

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

ĐẾN

huyền:
- f. i. c. a. n.
- T. m.
- n. c. v.
- T. h. m. n. d. u. t.

Hiện nay, Tổng Công ty và Quý Công ty đã thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch đến hết kỳ 9/2017. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, để hoàn thành nhiệm vụ cấp nước cho người dân thành phố được an toàn, liên tục, Tổng Công ty và Quý Công ty đã có những chia sẻ, hỗ trợ trong giai đoạn khó khăn chung là giá bán lẻ nước sạch chậm được điều chỉnh.

Trong tình hình chung, sau khi xem xét cân nhắc tình hình tài chính, Tổng Công ty cho rằng đây là thời điểm thích hợp để điều chỉnh lại giá mua bán si nước sạch năm 2017 giữa Tổng Công ty và Quý Công ty.

Tổng Công ty thông báo đến Quý Công ty đơn giá điều chỉnh hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 như sau:

- Đơn giá mua bán si đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Quý Công ty là 4.698,99 đ/m³.
- Đơn giá mua bán si đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty (nếu có) bằng 70% giá bán bình quân tại đồng hồ đo đếm lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty.
- Ngoài ra, để khuyến khích các Công ty Cổ phần Cấp nước tăng sản lượng, doanh thu; Tổng Công ty sẽ thực hiện thí điểm cơ chế giảm giá mua bán si năm 2017 cho khối lượng nước tiêu thụ Quý Công ty bán lẻ cho khách hàng vượt kế hoạch theo Quyết định số 235/QĐ-TCT-KHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tổng Công ty về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2017.

Đơn giá áp dụng cho khối lượng nước tiêu thụ vượt kế hoạch là 3.832,94 đ/m³.

Cách tính khối lượng nước mua bán si đối với lượng nước tiêu thụ vượt kế hoạch như sau:

$$\frac{\text{Khối lượng nước mua bán si đối với lượng nước tiêu thụ vượt kế hoạch năm 2017}}{\text{Khối lượng nước tiêu thụ vượt kế hoạch năm 2017}} = \left(1 - \frac{\% \text{ Tỷ lệ thất thoát nước lũy kế}}{1} \right)$$

Tính đến thời điểm này đã bước vào quý IV năm 2017, Tổng Công ty đề nghị Quý Công ty tập trung cho công tác giảm lượng nước thất thoát thất thu, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả, hoàn thành kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2017.

Tổng Công ty trân trọng sự hợp tác của Quý Công ty và đề nghị Quý Công ty cùng phối hợp ký kết Phụ lục điều chỉnh đơn giá mua bán si nước sạch năm 2017.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT, Thường trực HĐQT (để báo cáo);
- Ban TGD (để báo cáo);
- P.KTTC, P.KHĐT (để biết);
- Lưu: VT, P.KDDVKH, T3M.



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC Uuy
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Sứ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán si nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UB ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ – Công ty con;
- Bản thỏa thuận ngày 30/3/2017 về Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2017, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Nguyễn Thanh Sử**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH:

Ông: **Nguyễn Thành Phúc**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán si nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 10 năm 2017 sẽ thực hiện việc mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 20 của mỗi tháng thông qua việc đọc số các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán si hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán si nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A.
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

- Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng.
- Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán si :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán si được xác định:

$$Q = \sum_1^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán si.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xi, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy không ổn định (chỉ số bất thường) sẽ được tính trung bình tối đa 03 kỳ ổn định trước đó hoặc theo thỏa thuận giữa các bên:

- + Giữa Bên A và Bên B nếu là đồng hồ tổng nguồn;
- + Giữa Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch của Bên A nếu là đồng hồ tổng tách mạng giữa Bên B và Bên thứ ba;
- + Giữa Bên A, Bên B và khách hàng sử dụng nước nếu là đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ 2 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 20 hàng tháng. Nếu ngày 20 hàng tháng trùng vào ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày lễ thì sẽ đọc số vào ngày liền kề sau đó.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

- Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch kỳ 10 năm 2017 sẽ được tính theo 02 đơn giá như sau:
 - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định là **4.698,99 đồng/m³**.
 - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Đơn giá mua bán trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.

IV./ VỀ ĐƠN GIÁ KHUYẾN KHÍCH:

- Đơn giá khuyến khích là **3.832,94 đ/m³**. Đơn giá này chỉ được áp dụng cho khối lượng nước (mỗi m³) bên B bán lẻ được cho khách hàng của mình trong năm vượt **40.200.000 m³**.
 - Khối lượng nước **40.200.000 m³** được hai bên thống nhất tính theo Quyết định số 235/QĐ-TCT-KHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của bên A về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2017 (ký hiệu là KH).
 - Khối lượng nước bán lẻ cho khách hàng của bên B được xác định là toàn bộ khối lượng nước tiêu thụ ghi trên hóa đơn bán lẻ của bên B (ký hiệu là TT).
- Cách tính khối lượng nước mua bán si được áp dụng đơn giá khuyến khích:

$$\begin{array}{l} \text{Khối lượng nước} \\ \text{mua bán si áp} \\ \text{dụng đơn giá} \\ \text{khuyến khích} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng khối} \\ \text{lượng nước} \\ \text{mua bán si} \end{array} - \frac{\text{TT - KH}}{\left(\begin{array}{c} \% \text{ Tỷ lệ} \\ 1 - \text{thất thoát nước} \\ \text{lũy kế} \end{array} \right)}$$

Khối lượng nước áp dụng đơn giá khuyến khích sẽ được hai bên tính toán sau khi kết thúc kỳ đọc số cuối cùng của năm. Việc tính toán sẽ được lập thành biên bản và Phụ lục Hợp đồng.

- Đơn giá khuyến khích trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

V./ VỀ THANH TOÁN:

- Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán si nước sạch cho Bên A như sau:

- + Đợt 1: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng.
- + Đợt 2: Sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán đợt 1, Bên B thanh toán hết cho Bên A số tiền còn lại.
- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- Thanh toán tiền mua bán si nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch, hai bên sẽ tiếp tục rà soát các khách hàng sử dụng nước khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
-TNHH MTV**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH
(QUA ĐỒNG HỒ TÓNG)

Số: _____/HD-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UB ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ – Công ty con;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Bản thỏa thuận ngày __/__/2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành về *Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tóng) kỳ 10 năm 2017*.
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày __ tháng __ năm 2017, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông : **Nguyễn Thanh Sử** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện

Giấy ủy quyền : số 7865/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 30/12/2016 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH (*Bên mua*)

Trụ sở chính : Số 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 297 147

Fax: (84.8) 38 229 778

Tài khoản số : 622.021.145.0011 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chợ Lớn – Chi nhánh Hòa Bình.

Mã số thuế : 0304789925

Do Ông : **Nguyễn Thành Phúc** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch (qua đồng hồ tổng) kỳ 10 năm 2017 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 (nếu có) của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.

1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.

- 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.
- 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
- 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **4.000.000 m³** (bốn triệu mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 7, Điều 9 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

- 2.1.1 Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Trường hợp ngày 20 hàng tháng rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định, thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được thực hiện vào ngày liền kề sau đó. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại khoản 8.1.3, 8.2.3 điều 8 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

- 2.1.3 Trường hợp có một hoặc nhiều đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được tính là trung bình 03 (ba) kỳ ổn định liền kề trước đó của đồng hồ tổng nguồn hoặc đồng hồ tổng tách mạng gặp sự

cố hư hỏng hoặc chạy bất thường và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên khi:

Đồng hồ tổng nguồn gặp sự cố hoặc chạy bất thường, thì bên A và bên B sẽ cùng thỏa thuận khối lượng nước mua bán.

Đồng hồ tổng tách mạng gặp sự cố hoặc chạy bất thường, thì bên A, Bên B sẽ cùng thỏa thuận với Bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước, chung đồng hồ đo đếm lượng nước mua bán do Bên A cung cấp.

Việc tính trung bình hoặc thỏa thuận khối lượng nước mua bán khi các đồng hồ tổng gặp sự cố phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng mua bán.

Trong thời gian sớm nhất nhưng không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày hai bên tính toán khối lượng nước mua bán như được quy định tại Khoản 2.1.2 điều này, thì bên A phải tiến hành thay thế các đồng hồ tổng hư hỏng hoặc chạy bất thường. Trường hợp trong thời gian 10 ngày làm việc mà Bên A chưa thay thế kịp các đồng hồ bị hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì hai bên sẽ cùng thỏa thuận để tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1.4 Trường hợp có một hoặc nhiều đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được tính trên cơ sở sản lượng nước trung bình do Bên A, Bên B và khách hàng sử dụng đồng hồ nước này thỏa thuận theo quy định.

Việc tính trung bình hoặc thỏa thuận khối lượng nước mua bán khi các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng gặp sự cố hoặc chạy bất thường phải được lập thành Biên bản giữa Bên A, Bên B và khách hàng sử dụng đồng hồ nước này để làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

Trong thời gian sớm nhất nhưng không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày hai bên tính toán khối lượng nước mua bán như được quy định tại khoản 2.1.3 điều này, Bên A phải tiến hành thay thế các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp trong thời gian 10 ngày làm việc mà Bên A chưa thay thế kịp các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng bị hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì hai bên sẽ cùng thỏa thuận để tính toán lượng nước mua bán như được nêu tại điều này.

2.1.5 Nếu các đợt kiểm tra được tiến hành theo đúng Khoản 1.2 Điều 1 cho thấy các đồng hồ tổng báo số sai thì khối lượng mua bán sẽ được xác định như Khoản 2.1.3, 2.1.4 của điều này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

- 3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, QCVN 01:2009/BYT được ban hành kèm Thông tư số 04/2009/TT-BYT, ngày 17/06/2009 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.
- 3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:
 - 3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.
 - 3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.
- 3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:
 - 3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.
 - 3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.
 - 3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 8.3.1 Khoản 8.3 Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **4.698,99 đồng/m³**.

- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Đơn giá mua bán trên sẽ được điều chỉnh lại khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5: Đơn giá khuyến khích:

- 5.1 Đơn giá khuyến khích là **3.832,94 đ/m³**. Đơn giá này chỉ được áp dụng cho khối lượng nước (mỗi m³) bên B bán lẻ được cho khách hàng của mình trong năm vượt **40.200.000 m³**.
 - 5.1.1 Khối lượng nước **40.200.000 m³** được hai bên thống nhất tính theo Quyết định số 235/QĐ-TCT-KHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của bên A về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2017 (ký hiệu là KH).
 - 5.1.2 Khối lượng nước bán lẻ cho khách hàng của bên B được xác định là toàn bộ khối lượng nước tiêu thụ ghi trên hóa đơn bán lẻ của bên B (ký hiệu là TT).
- 5.2 Cách tính khối lượng nước mua bán sỉ được áp dụng đơn giá khuyến khích:

$$\begin{array}{l}
 \text{Khối lượng nước} \\
 \text{mua bán sỉ áp} \\
 \text{dụng đơn giá} \\
 \text{khuyến khích}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Tổng khối} \\
 \text{lượng nước} \\
 \text{mua bán sỉ}
 \end{array}
 -
 \frac{\text{TT - KH}}{\left(1 - \frac{\% \text{ Tỷ lệ}}{\text{thất thoát nước}} \right.} \\
 \left. \text{lũy kế} \right)$$

Khối lượng nước áp dụng đơn giá khuyến khích sẽ được hai bên tính toán sau khi kết thúc kỳ đọc số cuối cùng của năm. Việc tính toán sẽ được lập thành biên bản và Phụ lục Hợp đồng.

- 5.3 Đơn giá khuyến khích trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 6: Thanh toán.

- 6.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch như sau:
 - 6.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng cho Bên A.
 - 6.1.2 Tối đa sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán được nêu tại khoản 6.1.1, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
 - 6.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại khoản 6.1.1, 6.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.

6.2 Trường hợp bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 6.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.

6.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại khoản 2.1 điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 4).
- Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 5).
- Bảng kết quả kiểm nghiệm.
- Hóa đơn bán si.

Điều 7: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

7.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 7.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 7.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 7.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 7.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 9 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

7.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 7.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
- 7.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 8: Trách nhiệm của các bên.

8.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 8.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại điều 9.

- 8.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
 - 8.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
 - 8.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
 - 8.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
 - 8.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.
- 8.2 Trách nhiệm của Bên B:
- 8.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 6 của hợp đồng này.
 - 8.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 8.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
 - 8.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch với Bên A.
 - 8.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
 - 8.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.
- 8.3 Trách nhiệm chung của hai bên:
- 8.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).

8.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 9: Các trường hợp bất khả kháng.

- 9.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:
- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
 - Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
 - Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
 - Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
 - Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.
- 9.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.
- 9.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 10: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 10.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước kỳ 10 năm 2017.
- 10.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 11: Điều khoản chung.

- 11.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

- 11.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 11.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 11.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.
- Hợp đồng này được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/PLHĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Phụ lục Hợp đồng số 2370/PLHĐ-TCT-KDDVKH, ngày 11/5/2017 điều chỉnh giá mua bán sỉ nước sạch của Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 452/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/01/2017; Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 833/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 21/02/2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 1587/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 30/3/2017; Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 2319/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 09/5/2017; Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 2671/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/5/2017; Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 3234/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 19/6/2017; Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 3398/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/6/2017; Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 4627/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/8/2017; Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 5208/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/9/2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày __ tháng __ năm 2017, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông : **Nguyễn Thanh Sử** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện

Giấy ủy quyền : số 7865/GUQ-TCT-KDDVKH, ngày 30/12/2016 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH (Bên mua)

Trụ sở chính : Số 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 297 147 Fax: (84.8) 38 229 778

Tài khoản số : 622.021.145.0011 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chợ Lớn – Chi nhánh Hòa Bình.

Mã số thuế : 0304789925

Do Ông : **Nguyễn Thành Phúc** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán si nước sạch số 452/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/01/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 833/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 21/02/2017; Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh giá mua bán si nước sạch số 2370/PLHĐ-TCT-KDDVKH, ngày 11/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 1587/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 30/3/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 2319/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 09/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 2671/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 3234/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 19/6/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 3398/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/6/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 4627/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/8/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 5208/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/9/2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành với các điều khoản sau:

Điều 1:

Điều chỉnh đơn giá mua bán si nước sạch được nêu tại Điều 1 của Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh giá mua bán si nước sạch số 2370/PLHĐ-TCT-KDDVKH, ngày 11/5/2017 và điều chỉnh đơn giá mua bán si nước sạch được nêu tại Khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng mua bán si nước sạch số 1587/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 30/3/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 2319/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 09/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 2671/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 3234/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 19/6/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 3398/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/6/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 4627/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/8/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 5208/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/9/2017 là **4.698,99 đồng/m³**.

Điều 2:

Bổ sung điều khoản đơn giá khuyến khích vào các Hợp đồng mua bán si nước sạch số 452/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/01/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 833/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 21/02/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 1587/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 30/3/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 2319/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 09/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 2671/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 3234/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 19/6/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 3398/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/6/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 4627/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/8/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 5208/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/9/2017 như sau:

2.1 Đơn giá khuyến khích là 3.832,94 đ/m³. Đơn giá này chỉ được áp dụng cho khối lượng nước (mỗi m³) bên B bán lẻ được cho khách hàng của mình trong năm vượt 40.200.000 m³.

- Khối lượng nước 40.200.000 m³ được hai bên thống nhất tính theo Quyết định số 235/QĐ-TCT-KHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của bên A về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2017 (ký hiệu là KH).

- Khối lượng nước bán lẻ cho khách hàng của bên B được xác định là toàn bộ khối lượng nước tiêu thụ ghi trên hóa đơn bán lẻ của bên B (ký hiệu là TT).

2.2 Cách tính khối lượng nước mua bán sỉ được áp dụng đơn giá khuyến khích:

$$\text{Khối lượng nước mua bán sỉ áp dụng đơn giá khuyến khích} = \text{Tổng khối lượng nước mua bán sỉ} - \frac{\text{TT - KH}}{\left(1 - \frac{\% \text{ Tỷ lệ thất thoát nước lũy kế}}{100}\right)}$$

Khối lượng nước áp dụng đơn giá khuyến khích sẽ được hai bên tính toán sau khi kết thúc kỳ đọc số cuối cùng của năm. Việc tính toán sẽ được lập thành biên bản và Phụ lục Hợp đồng.

2.3 Đơn giá khuyến khích trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3:

3.1 Số tiền chênh lệch do điều chỉnh đơn giá:

Kỳ	Sản lượng mua bán sỉ	Đơn giá áp dụng trong hợp đồng	Đơn giá điều chỉnh	Chênh lệch đơn giá	Thành tiền
	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(1)*(4)
1	5.103.483	5.216,63	4.698,99	517,64	2.641.766.940
2	4.889.181	5.216,63	4.698,99	517,64	2.530.835.653
3	4.604.114	5.216,63	4.698,99	517,64	2.383.273.571
4	5.120.464	5.216,63	4.698,99	517,64	2.650.556.985
5	4.814.366	5.216,63	4.698,99	517,64	2.492.108.416
6	5.176.902	5.216,63	4.698,99	517,64	2.679.771.551
7	4.827.905	5.216,63	4.698,99	517,64	2.499.116.744
8	5.117.677	5.216,63	4.698,99	517,64	2.649.114.322
9	4.722.653	5.216,63	4.698,99	517,64	2.444.634.099
Cộng	44.376.745				22.971.178.281

3.2 Bên A sẽ thực hiện thanh toán cho Bên B số tiền mua mua bán sỉ nước sạch chênh lệch do điều chỉnh giá mua bán được nêu tại Điều 1 của Phụ lục hợp đồng này như sau:

- Tiền nước: 22.971.178.281 đồng.

- Thuế giá trị gia tăng 5%: **1.148.558.914 đồng.**
- Tổng cộng: **24.119.737.195 đồng.**

3.3 Bên A sẽ thực hiện thanh toán cân trừ tiền nước chênh lệch được nêu tại Khoản 3.2 Điều 3 của Phụ lục hợp đồng này vào tiền nước mua bán si kỳ 10, kỳ 11 và kỳ 12 năm 2017 giữa Bên A và Bên B. Cụ thể:

- Kỳ 10 năm 2017: Thanh toán **30%** tiền nước chênh lệch do điều chỉnh giá.
- Kỳ 11 năm 2017: Thanh toán **30%** tiền nước chênh lệch do điều chỉnh giá.
- Kỳ 12 năm 2017: Thanh toán **40%** tiền nước chênh lệch do điều chỉnh giá.

Điều 4:

- Những điều khoản không ghi trong Phụ lục hợp đồng này thì vẫn thực hiện như các điều khoản đã được ghi trong Hợp đồng mua bán si nước sạch số 452/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/01/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 833/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 21/02/2017; Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh giá mua bán si nước sạch số 2370/PLHĐ-TCT-KDDVKH, ngày 11/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 1587/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 30/3/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 2319/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 09/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 2671/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 23/5/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 3234/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 19/6/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 3398/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/6/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 4627/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/8/2017; Hợp đồng mua bán si nước sạch số 5208/HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 29/9/2017; Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh giá mua bán si nước sạch số 2370/PLHĐ-TCT-KDDVKH, ngày 11/5/2017 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.
- Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh giá mua bán này có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký kết.

Phụ lục hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A